

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lù Văn Lả**

2. Ông **Giàng A Khá**

- **Thư ký phiên toà:** Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:** Bà **Nguyễn Thị Mai** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lò Thị M** - Sinh năm 1985; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

* Bị đơn: Anh **Lò Văn L** - Sinh năm 1978; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/7/2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị M và anh L kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2008 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 12/2020. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn vợ chồng đến thường xuyên xảy ra xô sát. Cho đến nay tình cảm của chị

M đối với anh L không còn, vì vậy chị M đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên giải quyết cho chị M được ly hôn với anh L.

- *Về con chung*: Chị M và anh L có 03 con chung là Lò Thị Hồng N - sinh ngày 23/3/2009, Lò Thị Minh H - sinh ngày 01/8/2011 và Lò Thị Bảo Tr - sinh ngày 28/3/2017. Hiện cháu Nh và cháu Tr đang ở với chị M, còn cháu H đang ở với anh L.

Tại đơn ly hôn ngày 30/7/2021, Bản tự khai ngày 02/8/2021 và Bản tự khai ngày 09/9/2021 chị M có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh và cháu Tr; còn anh L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc H cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 31/8/2021 chị M trình bày: Do hai cháu Nh và H đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng được ở với anh L, vì vậy chị M xin được thay đổi nguyện vọng nuôi con chung là: Anh L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Nh và H; còn chị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lò Thị Hồng Nh là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/1 tháng cho đến khi cháu Nh đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về thu nhập của chị M từ nghề phụ xây và làm ruộng mỗi tháng được khoảng 7.000.000 đồng - 8.000.000 đồng chị M đảm bảo có đủ điều kiện về kinh tế cũng như về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh và cháu Tr.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Về tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2021, biên bản hòa giải ngày 18/8/2021, 31/8/2021 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Lò Văn L trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh L và chị M kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2008 tại UBND xã Núa Ngam, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 12/2020. Anh L thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp dẫn vợ chồng đến thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Vì vậy, anh chị cũng đã sống ly thân với nhau từ tháng 7/2021 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nhưng vì còn tình cảm với chị M và vì thương các con nên anh L không nhất trí ly hôn, mặt khác theo anh L nguyên nhân này chưa đến mức phải ly hôn. Vì vậy, đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị được đoàn tụ.

- *Về con chung*: Anh L, chị M có 03 con chung là Lò Thị Hồng Nh - sinh ngày 23/3/2009, Lò Thị Minh H - sinh ngày 01/8/2011 và Lò Thị Bảo Tr - sinh

ngày 28/3/2017. Hiện cháu Nh và cháu Tr đang ở với chị M, còn cháu H đang ở với anh L.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2021; Biên bản hòa giải ngày 18/8/2021, 31/8/2021 anh L trình bày: Anh L không nhất trí với nguyện vọng nuôi con chung của chị M. Quan điểm của anh L là nếu phải ly hôn anh L có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Nh và H; còn chị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tr cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh L yêu cầu chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/1 tháng cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động (Tại biên bản hòa giải ngày 31/8/2021 anh L yêu cầu chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng)/1 tháng). Hiện tại anh L ở nhà làm ruộng và làm nương cùng với gia đình thu nhập của anh L 1 tháng chỉ được khoảng 2 triệu đồng. Vì thu nhập của anh L rất thấp nên anh L mới yêu cầu chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H.

Tại phiên tòa anh L đồng ý với nguyện vọng nuôi con chung của chị M đó là: Chị M được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh và cháu Tr; còn anh L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc H cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ:* Về tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu,

chứng cứ mà nguyên đơn, bị đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Căn cứ vào các Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử: Giao con chung Lò Thị Minh H - sinh ngày 01/8/2011 cho anh Lò Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao hai con chung Lò Thị Hồng Nh - sinh ngày 23/3/2009 và Lò Thị Bảo Tr - sinh ngày 28/3/2017 cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị M và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị M.

* Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Lò Thị M và anh Lò Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về nội dung:

*) *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L là hợp pháp trên cơ sở được pháp luật công nhận, cả hai anh chị đều thừa nhận cuộc sống chung của anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng cho nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau (được chứng minh tại Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 02/8/2021 của chị Lò Thị M có xác nhận của chính quyền địa phương, BL: 18), nên chị M tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh L, còn anh L không nhất trí ly hôn vì vẫn còn tình cảm

với chị M và vì thương các con. Mặt khác, mâu thuẫn trên của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải Nhiều lần nhưng không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, không còn đi lại quan tâm gì đến nhau nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị M và anh L vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị M được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị M và anh L có 03 con chung là Lò Thị Hồng Nh - sinh ngày 23/3/2009, Lò Thị Minh H - sinh ngày 01/8/2011 và Lò Thị Bảo Tr - sinh ngày 28/3/2017. Hiện cháu Nh và cháu Tr đang ở với chị M, còn cháu H đang ở với anh L.

Tại bản tự khai của cháu Lò Thị Hồng Nh ngày 31/8/2021 cháu Nh có nguyện vọng được ở với anh L, tại bản tự khai ngày 09/9/2021 cháu Nh thay đổi nguyện vọng là xin được ở với chị M. Tại bản tự khai của cháu Lò Thị Minh H ngày 31/8/2021 cháu H có nguyện vọng được ở với anh L.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị M và anh L có tranh chấp về việc nuôi con chung đối với cháu Lò Thị Hồng Nh, cụ thể: Anh L có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu Nh, H và yêu cầu chị M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H là 500.000 đồng/1 tháng. Còn chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc hai cháu Nh, Tr và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng cháu Nh đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng xin được ở với chị M. Tuy nhiên tại phiên tòa anh L nhất trí với nguyện vọng nuôi con chung trên của chị M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Về thu nhập của anh L từ nghề làm ruộng và nghề làm nương rất thấp chỉ được khoảng 2.000.000 đồng/1 tháng, còn chị M có thu nhập từ nghề phụ xây và làm ruộng mỗi tháng được khoảng 7.000.000 đồng - 8.000.000 đồng chị M đảm bảo có đủ điều kiện về kinh tế cũng như về thời gian để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nh và cháu Tr.

Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho các con chung của chị M và anh L, Hội đồng xét xử cân công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh L, đó là giao cháu H cho anh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nh, cháu Tr cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng nuôi con chung của chị M và anh L.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị M và anh

L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

*) *Về án phí*: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị M bởi chị M là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chị M có đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69, 70, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho chị Lò Thị M được ly hôn với anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh L:

Giao con chung Lò Thị Minh H - sinh ngày 01/8/2011 cho anh Lò Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao hai con chung Lò Thị Hồng Nh - sinh ngày 23/3/2009 và Lò Thị Bảo Tr - sinh ngày 28/3/2017 cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Về tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/9/2021).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Núa Ngam, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Thị Tuyền